

Số: 217/2019/QĐST-HNGĐ

Liên Chiều, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 424/2019/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Ngô Thị Thanh T** – Sinh năm 1989. Địa chỉ: 15 -17 đường N, phường B, quận H, thành phố Đ.

Ông **Võ Đức T** – Sinh năm 1988. Địa chỉ: 149 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Võ Đức T xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, Bà T, ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Võ Đức T xác định có 01 con chung Võ Minh T – Sinh ngày 16/02/2014. Bà T, ông T thỏa thuận:

Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Minh T – Sinh ngày 16/02/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2020 và vào ngày 15 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T xác định không có nợ chung.

Xét thấy: Bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Việc ông bà xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Bà T, ông T về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/12/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thanh T và ông Võ Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Ngô Thị Thanh T và ông Võ Đức T về việc nuôi con chung như sau: Bà Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Minh T – Sinh ngày 16/02/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2020 và vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng, bà Ngô Thị Thanh T, ông Võ Đức T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng mà Bà T, ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004067 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Bà T, ông T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Bình Minh,
- H. Bình Sơn, T. Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Cúc